

MÔ HÌNH ĐẠI HỌC ĐA LĨNH VỰC VÀ VIỆC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG Ở NƯỚC TA

Lâm Quang Thiệp

Kể từ khi Đổi mới, hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) ở nước ta đã được chuyển đổi theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực (ĐHĐLV) để phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập với thế giới. Tuy nhiên, quá trình đưa vào áp dụng mô hình này cũng nảy sinh một số tồn tại cần được nghiên cứu giải quyết để hệ thống ĐHĐLV phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Sự chuyển đổi hệ thống GDĐH nước ta từ thời kỳ đổi mới

Từ sau năm 1975 cho đến trước thời kỳ Đổi mới, hệ thống GDĐH của nước ta được xây dựng theo mô hình Liên Xô, với các đặc điểm: 1) Hệ thống trường đại học tách biệt với hệ thống các viện nghiên cứu khoa học mạnh; 2) Phần lớn các trường đại học là các trường đơn ngành hoặc đơn lĩnh vực; 3) Quy trình đào tạo đại học thường thiết kế liền một mạch, 4 đến 6 năm, theo hướng chuyên ngành rất hẹp; 4) Hệ thống được điều hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung.

Từ khi Đổi mới, GDĐH nước ta đã dần dần chuyển đổi sang mô hình phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Dưới đây mô tả vài đổi mới quan trọng.

Đổi mới chương trình đào tạo đại học

Từ khi đổi mới, chương trình đào tạo bậc cử nhân của ta được thiết kế theo ngành rộng (để sinh viên tốt nghiệp dễ tìm việc làm trong thị trường lao động). Hơn nữa, chương trình bậc cử nhân không chỉ nhằm đào tạo cho sinh viên một nghề, tức trở thành một con người - công cụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, mà còn giáo dục cho sinh viên thành một con

người - mục đích, con người có tầm nhìn, có phương pháp tư duy và tình cảm nhân văn. Do đó, cơ cấu chương trình cử nhân có hai phần: Phần *giáo dục đại cương* (general education) và phần *giáo dục chuyên nghiệp* (professional education). Phần giáo dục đại cương chính là nhằm giáo dục con người - mục đích vừa nêu trên.

Có nhiều định nghĩa khác nhau đối với giáo dục đại cương, nhưng có thể tóm tắt như sau: “Giáo dục đại cương là một cách tiếp cận học tập tạo năng lực và chuẩn bị cho từng cá thể người học ứng phó với sự phức tạp, đa dạng và thay đổi. Nó cung cấp cho người học một nền kiến thức bao quát về thế giới rộng lớn (khoa học, văn hóa và xã hội) đồng thời đi sâu nghiên cứu một lĩnh vực xác định. Giáo dục đại cương giúp người học phát triển ý thức về trách nhiệm xã hội cũng như tri thức khả dụng mạnh mẽ và các kỹ năng thực tiễn như giao tiếp, phân tích và giải quyết vấn đề, cũng như thể hiện một năng lực áp dụng kiến thức và kỹ năng vào đời sống thực tế” [1]. Các chuyên gia GDĐH phương Tây cho rằng, trong chương trình đào tạo cấp đại học của Liên Xô trước đây không có phần giáo dục đại cương, chỉ có phần giáo dục ý thức hệ, vì chỉ chú ý đào tạo những con người - công cụ hơn là con người phát triển

toàn diện [2].

Xây dựng trường đại học theo mô hình đa lĩnh vực

Phần lớn các trường đại học 4 năm (có đào tạo cử nhân) ở Hoa Kỳ được tổ chức theo mô hình *university*, tức là ĐHĐLV, một mô hình trường đại học có hiệu quả cao nhất. Sở dĩ mô hình ĐHĐLV đó có hiệu quả cao nhất vì các lý do sau đây: 1) Đào tạo tốt phần giáo dục đại cương và các môn khoa học cơ bản, phần rất quan trọng của chương trình bậc cử nhân, vì chỉ trong các university mới có đủ đội ngũ giáo sư, giảng viên có trình độ cao để giảng dạy tốt các mảng kiến thức này; 2) Có ưu thế về nghiên cứu và phục vụ xã hội, vì ngày nay các đề tài nghiên cứu và phục vụ xã hội đều là các đề tài có tính liên ngành; 3) Dễ đối phó với sự biến động về nhu cầu nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường vì university bao gồm nhiều ngành đào tạo khác nhau.

Chính vì ưu thế của mô hình ĐHĐLV nên khi chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, nhiều nước đã chuyển từ trường đại học đơn ngành hoặc đơn lĩnh vực sang ĐHĐLV. Ở Liên bang Nga, phần lớn các đại học đơn ngành đơn lĩnh vực thời Liên Xô cũ với tên gọi “institut” chuyển sang mô

hình đa lĩnh vực và đặt lại tên là “universitet” hoặc “academia”. Ở Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh vốn bao gồm các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội kiểu “universitet” của Liên Xô cũ, cũng như Đại học Thanh Hoa vốn là một đại học kỹ thuật công nghiệp, đều đã bổ sung thêm nhiều lĩnh vực khác để trở thành các “university” đa lĩnh vực theo kiểu phương Tây.

Vào đầu thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, khi Chính phủ chủ trương xây dựng một số trường đại học mạnh cho nước ta, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo thiết kế các đại học này và Bộ đã đề nghị xây dựng hai đại học quốc gia Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, ba đại học vùng: Thái Nguyên, Huế, Đà Nẵng theo mô hình ĐHĐLV [3]. Tuy nhiên việc thực hiện không diễn ra đúng như thiết kế, tình trạng sẽ được bàn dưới đây.

Quá trình xây dựng các ĐHĐLV và những vấn đề nảy sinh

Mô hình đại học quốc gia và đại học vùng

Việc triển khai xây dựng các đại học quốc gia và đại học vùng theo mô hình ĐHĐLV diễn ra không được suôn sẻ, vì thành lập bằng cách sáp nhập các trường đại học có sẵn. Đối với Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sáp nhập nhưng không “hòa hợp” được, do xu hướng bảo vệ mô hình trường đại học sư phạm chỉ đào tạo giáo viên theo mô hình đơn lĩnh vực kiểu Liên Xô. Sau một thời gian “nhập” mà không “hòa”, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được tách ra khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội. Đối với Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, một tình huống khác đã diễn ra. Vào năm 1988, quy mô các trường đại học nước ta đều rất nhỏ bé, thường dưới 1.000 sinh viên, nên phương án nhập 9

trường đại học để thành lập Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh đã được đề xuất. Tuy nhiên, đến khi thực hiện các phương án này vào năm 1995 thì quy mô các trường đại học đã tăng lên rất nhiều, do đó việc nhập quá nhiều trường đại học đơn ngành tạo nên một ĐHĐLV quá lớn. Vì vậy, Chính phủ đã quyết định giảm bớt quy mô của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh bằng cách đưa ra ngoài bớt một số trường thành viên.

Những khó khăn về tổ chức trong quá trình thành lập các đại học quốc gia và đại học vùng cũng đã dẫn đến một hệ quả đáng tiếc, đó là: Các đại học được thành lập không giữ được mô hình university như đã thiết kế. Một trong các lý do thực chất làm cho các trường thành viên phản đối việc sáp nhập, là khả năng mất nhiều “ghế” quản lý, và quan niệm “trường” bị hạ cấp thành “khoa”. Các nhà tổ chức phải thỏa hiệp bằng cách hứa hẹn giữ nguyên vị trí các trường thành viên, không thay đổi các chức vụ quản lý trước đây, do đó các quy chế được xây dựng theo mô hình các đại học hai cấp. Theo mô hình này, hoạt động trong các trường thành viên hầu như vẫn giữ như cũ, kết nối giữa các trường thành viên với nhau rất lỏng lẻo, và cấp quản lý trên cùng thực hiện một cơ chế quản lý trung gian gián tiếp. Chính vì lẽ đó, nhiều ý kiến cho rằng, bộ máy quản lý trên cùng của hai đại học quốc gia đóng vai trò như là hai “Bộ” đại học nhỏ. Do vậy, các đại học hai cấp ở nước ta hầu như không phát huy được các thế mạnh của mô hình university đã nêu trên đây. Thật vậy, chương trình đào tạo của các trường thành viên trong các đại học đó hoàn toàn độc lập với nhau nêu ưu thế về chất lượng đào tạo mảng giáo dục đại cương và các môn khoa học cơ bản không thể hiện được. Việc liên kết trong nghiên cứu và

phục vụ xã hội cũng rất khó khăn. Tóm lại, “mô hình đại học hai cấp” chỉ là một giải pháp tình thế trong quá trình xây dựng các ĐHĐLV chứ không phải mô hình đã thiết kế, mô hình này không giữ được thế mạnh của mô hình ĐHĐLV.

Về tên của các ĐHĐLV cũng có vấn đề. Để chỉ loại hình trường đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề nghị gọi là “viện đại học”, giống như “Viện Đại học Đông Dương” từ năm 1906 [4] và các ĐHĐLV ở miền Nam trước năm 1975 [5]. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật lại gọi là “đại học”. Từ “đại học” thực ra không được xã hội chấp nhận: Người ta đã không “dành riêng” thuật ngữ này để gọi các ĐHĐLV, mà trong nhiều trường hợp các đại học đơn lĩnh vực khác vẫn được gọi “đại học” khi lược bỏ chữ “trường” (ví dụ “Đại học” Bách khoa Hà Nội). Cũng cần nói thêm về tên tiếng Anh của hai đại học quốc gia. Ở Đại học Quốc gia Hà Nội có người cho rằng mô hình đại học quốc gia của ta giống mô hình UC (University of California) và CSU (California State University) của bang California, Hoa Kỳ, nên đặt tên cho Đại học Quốc gia Hà Nội theo kiểu UC, CSU, tức “Đại học Quốc gia Việt Nam, Hà Nội”. Sau đó Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh cũng buộc phải đặt tên tương tự, là “Đại học Quốc gia Việt Nam, TP Hồ Chí Minh”. Kiểu đặt tên này hoàn toàn không hợp lý, vì hai đại học quốc gia tại Hà Nội và tại TP Hồ Chí Minh chẳng có mối liên hệ nào về mặt tổ chức như các hệ thống UC và CSU. Thực ra, UC và CSU là các hệ thống university, mỗi một university trong hệ thống mang đủ tính ưu việt của loại hình university, còn các đại học quốc gia và đại học khu vực của ta là tập hợp các đại học đơn ngành hoặc đơn lĩnh vực, mỗi đại học thành viên tách biệt sẽ không còn tính ưu việt như đã nêu trên đây.

Một chi tiết khác về tên gọi bằng tiếng Anh của các ĐHĐLV nước ta: Vì để giữ “tư thế” của mình, các trường đại học thành viên của các đại học hai cấp đều tự gọi mình là university (lẽ ra nên gọi là college hoặc faculty, vì đó là các trường đơn ngành hoặc đơn lĩnh vực), cho nên nhiều khách quốc tế không hiểu tại sao trong university lại có university.

Mô hình ĐHĐLV với việc đào tạo giáo viên

Liên quan với việc đổi mới hệ thống nhà trường đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đặt vấn đề đổi mới hệ thống đào tạo giáo viên, khắc phục xu hướng đào tạo giáo viên bằng một hệ thống sư phạm khép kín. Ý tưởng đào tạo giáo viên theo mô hình nối tiếp trong các ĐHĐLV được nêu ra: Hai năm đầu sinh viên sư phạm được học chương trình khoa học cơ bản chuyên sâu chung với sinh viên khoa học, hai năm sau mới được đào tạo về sư phạm. Giáo viên đào tạo theo mô hình này sẽ vững về chuyên môn hơn nên về lâu dài sẽ phát triển tốt hơn. Mô hình này cũng giúp nhà trường dễ thích nghi hơn khi nhu cầu về giáo viên thay đổi. Tuy nhiên, ý tưởng về đào tạo giáo viên trong các ĐHĐLV bị phản đối bởi những người đã quen với mô hình đại học chuyên ngành theo kiểu Liên Xô. Vào những năm sau đó, chỉ một số trường đại học sư phạm chuyển thành ĐHĐLV (Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Đại học Hải Phòng), còn các trường sư phạm lớn khác vẫn giữ mô hình đại học sư phạm đơn lĩnh vực khép kín. Việc không tuyển sinh được vào hệ thống các trường sư phạm sau kỳ thi tuyển sinh năm 2017 vừa qua do nguồn cung giáo viên vượt quá nhu cầu đã làm bộc lộ rõ nhược điểm của mô hình đại học sư phạm đơn lĩnh

vực khép kín.

Làm thế nào để tăng hiệu quả của mô hình ĐHĐLV

Hai đại học quốc gia được nâng cấp quản lý, trở thành trực thuộc Chính phủ, nên các trường thành viên trực thuộc ngang với trực thuộc cấp bộ như cũ, do đó không tạo nên gay gắt lớn về quản lý. Các đại học vùng thì vẫn trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, còn các trường thành viên trực thuộc đại học vùng giảm một cấp so với trước khi sáp nhập. Nếu cấp đại học vùng được tổ chức như một cấp quản lý trung gian đối với các trường thành viên, không quản lý trực tiếp, thì nảy sinh vấn đề hạ cấp. Từ khi thành lập đến nay gay gắt về quản lý đại học vùng luôn tồn tại, phần lớn các đại học thành viên đều muốn thoát khỏi đại học vùng để trở thành một trường độc lập. Mặt khác, cơ chế gắn kết lỏng lẻo theo hai cấp làm cho các trường thành viên của đại học vùng vẫn là đại học đơn lĩnh vực, không phát huy được ưu thế của mô hình ĐHĐLV như đã nêu trên đây.

Có thể thấy các vấn đề lớn về quản lý trong các ĐHĐLV ở nước ta nảy sinh chủ yếu là do sự sáp nhập. Ở các trường ĐHĐLV khác, hoặc là được thành lập theo mô hình đa lĩnh vực ngay từ đầu, hoặc do các trường đơn lĩnh vực phát triển lên mà thành, không có các vấn đề tương tự. Đại học Cần Thơ chính là một minh chứng: Đó là trường ĐHĐLV duy nhất ở phía Nam không bị tách nhỏ thành các trường đơn ngành đơn lĩnh vực sau năm 1975, đã phát triển rất tốt. Còn Đại học Huế, ở trên một địa bàn mà trước năm 1975 vốn đã có Viện Đại học Huế đa lĩnh vực, nhưng đã được chia nhỏ sau 1975 trở thành các trường đơn lĩnh vực, thì khi sáp nhập lại vẫn nảy sinh vấn đề.

Nên thay đổi mô hình các đại học quốc gia và đại học vùng như thế nào để tăng hiệu quả của chúng? Đây là vấn đề rất lớn của Nhà nước, nằm ngoài tầm của bài viết này. Nhưng nếu nói đến mô hình nên chọn, thì chúng tôi vẫn nghĩ tốt nhất nên chọn mô hình ĐHĐLV theo kiểu university thực sự, và không nên sử dụng mô hình đại học hai cấp. Muốn vậy, tùy theo điều kiện cụ thể nên xử lý một đại học hai cấp nào đó theo một trong hai giải pháp: 1) Cho phép các trường thành viên đơn ngành đơn lĩnh vực phát triển thành các university, và đại học hai cấp biến thành một tập đoàn các university với sự liên kết rất lỏng lẻo theo kiểu UC hoặc CSU của bang California, Hoa Kỳ; 2) Đại học hai cấp chuyển thành một university một cấp thực sự, thay đổi bộ phận điều phối trung gian thành cấp điều hành trực tiếp, toàn bộ university có một chương trình đào tạo chung, như kiểu Đại học Cần Thơ và một số ĐHĐLV khác ở nước ta.

Cùng với chủ trương trao quyền tự chủ cao cho các trường đại học, hy vọng sự lựa chọn mô hình phù hợp sẽ tạo điều kiện phát triển bền vững hệ thống GDĐH nước ta ✍

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Association of American Colleges & Universities (2017), *What is a 21st Century Liberal Education?*, <https://www.aacu.org/leap/what-is-a-liberal-education>.

[2] Arthur Levine (1985), *Handbook on Undergraduate Curriculum*, San Francisco: Jossey Bass.

[3] Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (2017), *Một số tư liệu đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 1987-1997*, NXB Giáo dục.

[4] Hòa Giang, Đỗ Hữu Nghiêm (2017), *Đại học Việt Nam - thời khai sinh*, <http://tntt.free.fr/archive/huonghiemDo.html>.

[5] Lê Văn Giảng (2003), *Lịch sử giáo dục hơn 1.000 năm nền giáo dục Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.